

HƯỚNG DẪN KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐỐI VỚI CƠ QUAN CHI TRẢ THU NHẬP

I/ NGUYÊN TẮC KHAI THUẾ

1) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khai thuế theo tháng hoặc quý. Trường hợp trong tháng hoặc quý, tổ chức, cá nhân trả thu nhập không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì không phải khai thuế

2) Việc khai thuế theo tháng hoặc quý được xác định một lần kể từ tháng đầu tiên có phát sinh khấu trừ thuế và áp dụng cho cả năm. Cụ thể như sau:

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập phát sinh số thuế khấu trừ trong tháng của ít nhất một loại tờ khai thuế thu nhập cá nhân từ 50 triệu đồng trở lên khai thuế theo tháng, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện khai thuế giá trị gia tăng theo quý.

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thuộc diện khai thuế theo tháng theo hướng dẫn nêu trên thì thực hiện khai thuế theo quý.

Ví dụ 1: Năm 2017 Công ty A được xác định thuộc diện khai thuế GTGT theo quý thì năm 2017 Công ty A thuộc diện khai thuế TNCN theo quý, không phân biệt trong năm 2017 Công ty A thực tế có phát sinh khấu trừ thuế TNCN trên 50 triệu đồng hay dưới 50 triệu đồng.

Ví dụ 2: Năm 2017 Công ty A được xác định thuộc diện khai thuế GTGT theo tháng; tháng 1, tháng 2 không phát sinh khấu trừ thuế TNCN của bất kỳ tờ khai nào; tháng 3 phát sinh khấu trừ thuế TNCN tại Tờ khai số 05/KK-TNCN nhỏ hơn 50 triệu đồng và Tờ khai 06/KK-TNCN là 50 triệu đồng (hoặc lớn hơn 50 triệu đồng); Các tháng 4 đến tháng 12 phát sinh khấu trừ thuế TNCN tại các Tờ khai 05/KK-TNCN và 06/KK-TNCN nhỏ hơn 50 triệu đồng thì Công ty A không phải nộp tờ khai của các tháng 1 và tháng 2. Từ tháng 3 Công ty A được xác định thuộc diện khai thuế TNCN theo tháng.

Ví dụ 3: Năm 2017 Công ty A được xác định thuộc diện khai thuế GTGT theo tháng; tháng 1, tháng 2 không phát sinh khấu trừ thuế TNCN của bất kỳ tờ khai nào; tháng 3 phát sinh khấu trừ thuế TNCN tại Tờ khai số 05/KK-TNCN nhỏ hơn 50 triệu đồng và Tờ khai 06/KK-TNCN nhỏ hơn 50 triệu đồng; các tháng 4 đến tháng 12 phát sinh khấu trừ thuế TNCN tại các Tờ khai 05/KK-TNCN và 06/KK-TNCN đều từ 50 triệu đồng trở lên thì Công ty A không phải nộp tờ khai của các tháng 1 và tháng 2. Từ tháng 3 Công ty A được xác định thuộc diện khai thuế TNCN theo quý và thực hiện khai thuế theo quý từ quý I/2017.

3) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân và quyết toán thuế thu nhập cá nhân thay cho các cá nhân có uỷ quyền không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm (nếu có) theo mẫu số 05/DS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động để làm cơ sở cho người lao động thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi (như chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật) thì doanh nghiệp trước chuyển đổi không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi doanh nghiệp, bên tiếp nhận thực hiện khai quyết toán thuế năm theo quy định.”

II/ HỒ SƠ KHAI THUẾ

1) Hồ sơ khai thuế tháng, quý

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế theo Tờ khai mẫu số 05/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú khai thuế theo Tờ khai mẫu số 06/TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

- Công ty xổ số kiến thiết, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp khấu trừ thuế đối với tiền hoa hồng từ làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp của cá nhân khai thuế theo Tờ khai mẫu số 01/XSBHĐC ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC. Đối với tờ khai thuế kỳ tháng/kỳ quý cuối cùng trong năm, phải kèm theo Phụ lục theo mẫu số 01-1/BK-XSBHĐC ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC (không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế).

2) Hồ sơ khai quyết toán thuế

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế khai quyết toán thuế theo các mẫu sau:

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC
- Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu thuế lũy tiến từng phần mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC
- Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC
- Bảng kê thông tin người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC

III/ CÁCH LẬP TỜ KHAI THUẾ TNCN

1) kê khai thông tin chung của doanh nghiệp :

Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của cơ sở kinh doanh theo đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như:

- Mã số thuế: Ghi mã số thuế được cơ quan thuế cấp khi đăng ký nộp thuế.
- Tên Người nộp thuế: Khi ghi tên cơ sở kinh doanh phải ghi chính xác tên như tên đã đăng ký trong tờ khai đăng ký thuế, không sử dụng tên viết tắt hay tên thương mại.
- Địa chỉ trụ sở: Ghi đúng theo địa chỉ nơi đặt văn phòng trụ sở đã đăng ký với cơ quan thuế.
- Số điện thoại, số Fax và địa chỉ E-mail của doanh nghiệp để cơ quan thuế có thể liên lạc khi cần thiết.
- Ngành nghề kinh doanh chính, số tài khoản ngân hàng và ngày bắt đầu năm tài chính đối với tờ khai thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân.

Nếu có sự thay đổi các thông tin trên, Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

2) Cách lập Tờ khai thuế TNCN (Mẫu 05/KK-TNCN)

- Chỉ tiêu [01]: kỳ kê khai của NNT, kỳ phát sinh các nghĩa vụ kê khai theo tờ khai
- Chỉ tiêu [02], [03]: Các tờ khai được lập lần đầu trong hạn kê khai (trước ngày 20 hàng tháng (nếu kê khai theo tháng) hoặc trước ngày 30 của tháng đầu quý tiếp theo (nếu kê khai theo quý)) thì đánh dấu vào chỉ tiêu [02]; Nếu NNT sau khi hết hạn kê khai phát hiện tờ khai có sai sót, kê khai bổ sung thì đánh dấu vào chỉ tiêu số [03], lần kê khai bổ sung (1,2,3...)
- Từ chỉ tiêu [04] đến chỉ tiêu [11]: NNT kê khai theo Tờ khai đăng ký thuế của NNT
- Từ chỉ tiêu [12] đến chỉ tiêu [20]: Trường hợp NNT ký hợp đồng kê khai với Đại lý thuế, đại lý thuế kê khai thay NNT có trách nhiệm kê khai chính xác các thông tin theo đăng ký thuế của đại lý vào chỉ tiêu [12] đến [20]

- Chỉ tiêu [21]: **Tổng số Người lao động**

Ghi tổng số cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập trong kỳ.

- Chỉ tiêu [22]: Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động

Ghi tổng số cá nhân cư trú nhận thu nhập từ tiền lương, tiền công theo Hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập trong kỳ.

- Chỉ tiêu [23]: **Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế**

Chỉ tiêu [23] = Chỉ tiêu [24] + Chỉ tiêu [25]

- Chỉ tiêu [24]: Cá nhân cư trú:

Ghi số cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ thuế.

- Chỉ tiêu [25] Cá nhân không cư trú:

Ghi số cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ thuế.

- Chỉ tiêu [26]: **Tổng TNCT trả cho cá nhân:**

Chỉ tiêu [26] = Chỉ tiêu [27] + Chỉ tiêu [28]

- Chỉ tiêu [27]: Cá nhân cư trú

Ghi tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân cư trú có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên và cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 03 tháng trong kỳ.

- Chỉ tiêu [28]: Cá nhân không cư trú

Ghi các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân không cư trú trong kỳ.

Lưu ý:

Thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản phụ cấp, trợ cấp sau:

b.1) Trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công.

b.2) Trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần đối với các đối tượng tham gia kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ.

b.3) Phụ cấp quốc phòng, an ninh; các khoản trợ cấp đối với lực lượng vũ trang.

b.4) Phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với những ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm.

b.5) Phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực.

b.6) Trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, mức hưởng chế độ thai sản, mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ sau thai sản, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, tiền tuất hàng tháng, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp và các khoản trợ cấp khác theo quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội.

b.7) Trợ cấp đối với các đối tượng được bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật.

b.8) Phụ cấp phục vụ đối với lãnh đạo cấp cao.

b.9) Trợ cấp một lần đối với cá nhân khi chuyển công tác đến vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, hỗ trợ một lần đối với cán bộ công chức làm công tác về chủ quyền biển đảo theo quy định của pháp luật. Trợ cấp chuyển vùng một lần đối với người nước ngoài đến cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, người Việt Nam cư trú dài hạn ở nước ngoài về Việt Nam làm việc

b.10) Phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

b.11) Phụ cấp đặc thù ngành nghề.

Các khoản phụ cấp, trợ cấp và mức phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế hướng dẫn tại điểm b, khoản 2, Điều này phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Trường hợp các văn bản hướng dẫn về các khoản phụ cấp, trợ cấp, mức phụ cấp, trợ cấp áp dụng đối với khu vực Nhà nước thì các thành phần kinh tế khác, các cơ sở kinh doanh khác được căn cứ vào danh mục và mức phụ cấp, trợ cấp hướng dẫn đối với khu vực Nhà nước để tính trừ.

Trường hợp khoản phụ cấp, trợ cấp nhận được cao hơn mức phụ cấp, trợ cấp theo hướng dẫn nêu trên thì phần vượt phải tính vào thu nhập chịu thuế.

Riêng trợ cấp chuyển vùng một lần đối với người nước ngoài đến cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài được trừ theo mức ghi tại Hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.

c) Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, tiền hoa hồng môi giới; tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy; tiền tham gia biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao; tiền dịch vụ quảng cáo; tiền dịch vụ khác, thù lao khác.

d) Tiền nhận được từ tham gia hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị doanh nghiệp, ban kiểm soát doanh nghiệp, ban quản lý dự án, hội đồng quản lý, các hiệp hội, hội nghề nghiệp và các tổ chức khác.

đ) Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng dưới mọi hình thức:

đ.1) Tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có), không bao gồm: khoản lợi ích về nhà ở, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại đó.

Trường hợp cá nhân ở tại trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng với diện tích trụ sở làm việc.

Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả thay tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập. đ.2) Khoản tiền do người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm; mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện hoặc đóng góp Quỹ hưu trí tự nguyện cho người lao động.

Trường hợp người sử dụng lao động mua cho người lao động sản phẩm bảo hiểm không bắt buộc không có tích lũy về phí bảo hiểm (kể cả trường hợp mua bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam) thì khoản tiền phí mua sản phẩm bảo hiểm này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động. Bảo hiểm không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm gồm các sản phẩm bảo hiểm như: bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tử kỳ (không bao gồm sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có hoàn phí), ... mà người tham gia bảo hiểm không nhận được tiền phí tích lũy từ việc tham gia bảo hiểm, ngoài khoản tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trả.

đ.3) Phí hội viên và các khoản chi dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân theo yêu cầu như: chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ, cụ thể như sau:

đ.3.1) Khoản phí hội viên (như thẻ hội viên sân golf, sân quần vợt, thẻ sinh hoạt câu lạc bộ văn hoá nghệ thuật, thẻ dực thể thao...) nếu thẻ có ghi đích danh cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng. Trường hợp thẻ được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng thì không tính vào thu nhập chịu thuế.

đ.3.2) Khoản chi dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân trong hoạt động chăm sóc sức khỏe, vui chơi, giải trí thẩm mỹ... nếu nội dung chi trả ghi rõ tên cá nhân được hưởng. Trường hợp nội dung chi trả phí dịch vụ không ghi tên cá nhân được hưởng mà chi chung cho tập thể người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế.

đ.4) Phần khoán chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục,... cao hơn mức quy định hiện hành của Nhà nước. Mức khoán chi không tính vào thu nhập chịu thuế đối với một số trường hợp như sau:

đ.4.1) Đối với cán bộ, công chức và người làm việc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, Hội, Hiệp hội: mức khoán chi áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

đ.4.2) Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện: mức khoán chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

đ.4.3) Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài: mức khoán chi thực hiện theo quy định của Tổ chức quốc tế, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài.

đ.5) Đối với khoản chi về phương tiện phục vụ đưa đón người lao động từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại thì không tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động theo quy chế của đơn vị.

đ.6) Đối với khoản chi trả hộ tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động phù hợp với công việc chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động hoặc theo kế hoạch của đơn vị sử dụng lao động thì không tính vào thu nhập của người lao động.

đ.7) Các khoản lợi ích khác.

Các khoản lợi ích khác mà người sử dụng lao động chi cho người lao động như: chi trong các ngày nghỉ, lễ; thuê các dịch vụ tư vấn, thuê khai thuế cho đích danh một hoặc một nhóm cá nhân; chi cho người giúp việc gia đình như lái xe, người nấu ăn, người làm các công việc khác trong gia đình theo hợp đồng...

e) Các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức, kể cả thưởng bằng chứng khoán, trừ các khoản tiền thưởng sau đây:

e.1) Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng, bao gồm cả tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, cụ thể:

e.1.1) Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua như Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chiến sĩ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến, Chiến sỹ tiên tiến.

e.1.2) Tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng.

e.1.3) Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu do Nhà nước phong tặng.

e.1.4) Tiền thưởng kèm theo các giải thưởng do các Hội, tổ chức thuộc các Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị - xã hội, Tổ chức xã hội, Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Trung ương và địa phương trao tặng phù hợp với điều lệ của tổ chức đó và phù hợp với quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

e.1.5) Tiền thưởng kèm theo giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước.

e.1.6) Tiền thưởng kèm theo Kỷ niệm chương, Huy hiệu.

e.1.7) Tiền thưởng kèm theo Bằng khen, Giấy khen.

Thẩm quyền ra quyết định khen thưởng, mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nêu trên phải phù hợp với quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

e.2) Tiền thưởng kèm theo giải thưởng quốc gia, giải thưởng quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

e.3) Tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận.

e.4) Tiền thưởng về việc phát hiện, khai báo hành vi vi phạm pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

g) Không tính vào thu nhập chịu thuế đối với các khoản sau:

g.1) Khoản hỗ trợ của người sử dụng lao động cho việc khám chữa bệnh hiểm nghèo cho bản thân người lao động và thân nhân của người lao động.

g.1.1) Thân nhân của người lao động trong trường hợp này bao gồm: con đẻ, con nuôi hợp pháp, con ngoài giá thú, con riêng của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; cha đẻ, mẹ đẻ; cha vợ, mẹ vợ (hoặc cha chồng, mẹ chồng); cha dượng, mẹ kế; cha nuôi, mẹ nuôi hợp pháp.

g.1.2) Mức hỗ trợ không tính vào thu nhập chịu thuế là số tiền thực tế chi trả theo chứng từ trả tiền viện phí nhưng tối đa không quá số tiền trả viện phí của người lao động và thân nhân người lao động sau khi đã trừ số tiền chi trả của tổ chức bảo hiểm.

g.1.3) Người sử dụng lao động chi tiền hỗ trợ có trách nhiệm: lưu giữ bản sao chứng từ trả tiền viện phí có xác nhận của người sử dụng lao động (trong trường hợp người lao động và thân nhân người lao động trả phần còn lại sau khi tổ chức bảo hiểm trả trực tiếp với cơ sở khám chữa bệnh) hoặc bản sao chứng từ trả viện phí; bản sao chứng từ chi bảo hiểm y tế có xác nhận của người sử dụng lao động (trong trường hợp người lao động và thân nhân người lao động trả toàn bộ viện phí, tổ chức bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người lao động và thân nhân người lao động) cùng với chứng từ chi tiền hỗ trợ cho người lao động và thân nhân người lao động mắc bệnh hiểm nghèo.

g.2) Khoản tiền nhận được theo quy định về sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức Đảng, đoàn thể.

g.3) Khoản tiền nhận được theo chế độ nhà ở công vụ theo quy định của pháp luật.

g.4) Các khoản nhận được ngoài tiền lương, tiền công do tham gia ý kiến, thẩm định, thẩm tra các văn bản pháp luật, Nghị quyết, các báo cáo chính trị; tham gia các đoàn kiểm tra giám sát; tiếp cử tri, tiếp công dân; trang phục và các công việc khác có liên quan đến phục vụ trực tiếp hoạt động của Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội; Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; Văn phòng Thành ủy, Tỉnh ủy và các Ban của Thành ủy, Tỉnh ủy.

g.5) Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa, ăn trưa ca cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn.

Trường hợp người sử dụng lao động không tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa mà chi tiền cho người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân nếu mức chi phù hợp với hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp mức chi cao hơn mức hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì phần chi vượt mức phải tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

Mức chi cụ thể áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước và các tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, các Hội không quá mức hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đối với các doanh nghiệp ngoài Nhà nước và các tổ chức khác, mức chi do thủ trưởng đơn vị thống nhất với chủ tịch công đoàn quyết định nhưng tối đa không vượt quá mức áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước.

g.6) Khoản tiền mua vé máy bay khứ hồi do người sử dụng lao động trả hộ (hoặc thanh toán) cho người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, người lao động là người Việt Nam làm việc ở nước ngoài về phép mỗi năm một lần.

Căn cứ xác định khoản tiền mua vé máy bay là hợp đồng lao động và khoản tiền thanh toán vé máy bay từ Việt Nam đến quốc gia người nước ngoài mang quốc tịch hoặc quốc gia nơi gia đình người nước ngoài sinh sống và ngược lại; khoản tiền thanh toán vé máy bay từ quốc gia nơi người Việt Nam đang làm việc về Việt Nam và ngược lại.

g.7) Khoản tiền học phí cho con của người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam học tại Việt Nam, con của người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài học tại nước ngoài theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông do người sử dụng lao động trả hộ.

g.8) Các khoản thu nhập cá nhân nhận được từ các Hội, tổ chức tài trợ không phải tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nếu cá nhân nhận tài trợ là thành viên của Hội, của tổ chức; kinh phí tài trợ được sử dụng từ nguồn kinh phí Nhà nước hoặc được quản lý theo quy định của Nhà nước; việc sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật, công trình nghiên cứu khoa học... thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà nước hay theo chương trình hoạt động phù hợp với Điều lệ của Hội, tổ chức đó.

g.9) Các khoản thanh toán mà người sử dụng lao động trả để phục vụ việc điều động, luân chuyển người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định tại hợp đồng lao động, tuân thủ lịch lao động chuẩn theo thông lệ quốc tế của một số ngành như dầu khí, khai khoáng.

Căn cứ xác định là hợp đồng lao động và khoản tiền thanh toán vé máy bay từ Việt Nam đến quốc gia nơi người nước ngoài cư trú và ngược lại.

Ví dụ 1: Ông X là người nước ngoài được nhà thầu dầu khí Y điều chuyển đến làm việc tại giàn khoan trên thềm lục địa Việt Nam. Theo quy định tại hợp đồng lao động, chu kỳ làm việc của ông X tại giàn khoan là 28 ngày liên tục, sau đó được nghỉ 28 ngày. Nhà thầu Y thanh toán cho ông X các khoản tiền vé máy bay từ nước

ngoài đến Việt Nam và ngược lại mỗi lần đổi ca, chi phí cung cấp trực thăng đưa đón ông X chặng từ đất liền Việt Nam ra giàn khoan và ngược lại, chi phí lưu trú trong trường hợp ông X chờ chuyến bay trực thăng đưa ra giàn khoan làm việc thì không tính các khoản tiền này vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của ông X.

g.10) Khoản tiền nhận được do tổ chức, cá nhân trả thu nhập chi đảm hiệu, hỉ cho bản thân và gia đình người lao động theo quy định chung của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chỉ tiêu [29]: **Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế**

Chỉ tiêu [29] = Chỉ tiêu [30] + Chỉ tiêu [31]

- Chỉ tiêu [30]: Cá nhân cư trú

Ghi các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân cư trú có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên thuộc diện phải khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần và cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 03 tháng thuộc diện phải khấu trừ thuế trong kỳ.

- Chỉ tiêu [31]: Cá nhân không cư trú

Ghi các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân không cư trú thuộc diện phải khấu trừ thuế trong kỳ.

- Chỉ tiêu [32]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ**

Chỉ tiêu [32] = Chỉ tiêu [33] + Chỉ tiêu [34]

- Chỉ tiêu [33]: Cá nhân cư trú

Ghi số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của các cá nhân cư trú có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên thuộc diện phải khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần và cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 03 tháng trong kỳ.

- Chỉ tiêu [34]: Cá nhân không cư trú

Ghi số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của các cá nhân không cư trú trong kỳ.

- Chỉ tiêu [35]: **Tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động**

Ghi tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác cho người lao động của doanh nghiệp khi mua bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động trong kỳ khai thuế

- Chỉ tiêu [36]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động**

Chỉ tiêu [36] = Chỉ tiêu [35] x Thuế suất 10%

3) Cách lập Tờ khai thuế TNCN (Mẫu 06/KK-TNCN)

- Chỉ tiêu [01]: **Kỳ tính thuế**

Ghi theo tháng, năm hoặc quý, năm của kỳ thực hiện khai thuế. Trường hợp khai thuế tháng thì gạch quý, khai thuế quý thì gạch tháng.

- Chỉ tiêu [02]: **Lần đầu**

Nếu khai thuế lần đầu thì đánh dấu “x” vào ô vuông

- Chỉ tiêu [03]: **Bổ sung lần thứ ...**

Nếu khai sau lần đầu thì được xác định là khai bổ sung và đánh số lần khai bổ sung vào ô vuông

- Chỉ tiêu [04]: **Tên người nộp thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức khấu trừ thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với cá nhân là tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân.

- Chỉ tiêu [05]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Chỉ tiêu [06], [07], [08]: **Địa chỉ**

Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở kinh doanh của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Chỉ tiêu [09], [10], [11]: **Điện thoại, fax, email**

Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế (nếu không có thì bỏ trống).

- Chỉ tiêu [12]: **Tên tổ chức khai thay (nếu có)**

Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên của tổ chức khai thay theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong trường hợp tổ chức nơi cá nhân chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế thay cho cá nhân.

- Chỉ tiêu [13]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức khai thay theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Chỉ tiêu [14], [15], [16]: **Địa chỉ**

Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của tổ chức khai thay theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Chỉ tiêu [17], [18], [19]: **Điện thoại, fax, email**

Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của tổ chức khai thay (nếu không có thì bỏ trống).

- Chỉ tiêu [20]: **Tên đại lý thuế (nếu có)**

Trường hợp tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế uỷ quyền khai thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đại lý thuế.

- Chỉ tiêu [21]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Chỉ tiêu [22], [23], [24]: **Địa chỉ**

Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân).

- Chỉ tiêu [25], [26], [27] **Điện thoại, fax, email**

Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Đại lý thuế (nếu không có thì bỏ trống).

- Chỉ tiêu [28]: **Hợp đồng đại lý thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ số, ngày của Hợp đồng đại lý thuế giữa tổ chức khấu trừ thuế với Đại lý thuế (hợp đồng đang thực hiện).

- Chỉ tiêu [29]: **Tổng thu nhập tính thuế**

Ghi tổng các khoản thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức theo quy định mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân trong kỳ.

- Chỉ tiêu [30]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ**

Ghi tổng số thuế TNCN mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ (5%) đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân trong kỳ.

Chỉ tiêu [30] = Chỉ tiêu [29] x 5%.

- Chỉ tiêu [31]: **Tổng giá trị chuyển nhượng chứng khoán**

Ghi tổng giá trị giao dịch từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ.

- Chỉ tiêu [32]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ**

Ghi số thuế khấu trừ 0,1% trên tổng giá trị giao dịch từ chuyển nhượng chứng khoán mà tổ chức khấu trừ đã khấu trừ trong kỳ.

Chỉ tiêu [32] = Chỉ tiêu [31] x 0,1%.

- Chỉ tiêu [33]: **Tổng thu nhập tính thuế**

Ghi tổng các khoản thu nhập mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân trong kỳ từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại vượt trên 10 triệu đồng theo hợp đồng chuyển nhượng không phụ thuộc vào số lần thanh toán hoặc số lần nhận tiền mà cá nhân nhận được.

- Chỉ tiêu [34]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ**

Ghi số thuế khấu trừ theo mức 5% trên tổng thu nhập tính thuế từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại.

Chỉ tiêu [34] = Chỉ tiêu [33] x 5%.

- Chỉ tiêu [35]: **Tổng thu nhập tính thuế**

Ghi tổng thu nhập từ trúng thưởng vượt trên 10 triệu đồng mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả cho cá nhân trong kỳ.

- Chỉ tiêu [36]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ**

Ghi số thuế khấu trừ 10% trên tổng số thu nhập tính thuế từ trúng thưởng mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân trong kỳ.

Chỉ tiêu [36] = Chỉ tiêu [35] x 10%.

- Chỉ tiêu [37]: **Tổng doanh thu tính thuế trả cho cá nhân**

Ghi tổng số tiền mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho các cá nhân không cư trú cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong kỳ.

- Chỉ tiêu [38]: **Tổng số thuế đã khấu trừ**

Ghi tổng số thuế mà tổ chức, cá nhân đã khấu trừ từ thu nhập đã trả cho cá nhân không cư trú, không bao gồm thuế được miễn, giảm tại khu kinh tế (nếu có).

Chỉ tiêu [38] = Chỉ tiêu [37] x Thuế suất

Thuế suất cụ thể như sau:

+ 1% đối với hoạt động kinh doanh hàng hoá;

+ 5% đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ;

+ 2% đối với hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải và hoạt động kinh doanh khác;

- Chỉ tiêu [39]: **Tổng giá chuyển nhượng vốn**

Ghi tổng giá trị chuyển nhượng vốn mà tổ chức, cá nhân thực tế đã nhận chuyển nhượng của cá nhân không cư trú trong kỳ theo hợp đồng chuyển nhượng.

- Chỉ tiêu [40]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ**

số thuế mà tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn đã khấu trừ 0,1% trên tổng giá trị chuyển nhượng vốn trong kỳ.

Chỉ tiêu [40] = Chỉ tiêu [39] x 0,1%.

4) Cách lập Tờ khai quyết toán thuế TNCN

4.1- Cách lập Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu thuế lũy tiến từng phần (Mẫu 05-1/BK-QTT-TNCN)

- Chỉ tiêu [01]: **Kỳ tính thuế**

Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế

- Chỉ tiêu [02]: **Tên người nộp thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Chỉ tiêu [03]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Chỉ tiêu [04]: **Tên đại lý thuế (nếu có)**

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập uỷ quyền khai quyết toán thuế cho đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Chỉ tiêu [05]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Chỉ tiêu [06]: **STT**

Ghi rõ số thứ tự từ nhỏ đến lớn

- Chỉ tiêu [07]: **Họ và tên**

Ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của cá nhân cư trú nhận thu nhập từ tiền lương, tiền công có ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, kể cả cá nhân nhận thu nhập chưa đến mức khấu trừ thuế hoặc cá nhân đã thôi việc tính đến thời điểm lập tờ khai.

- Chỉ tiêu [08]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân.

- Chỉ tiêu [09]: **Số CMND/Hộ chiếu**

Ghi số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân chưa có mã số thuế

- Chỉ tiêu [10]: **Cá nhân uỷ quyền quyết toán thay**

Cá nhân đủ điều kiện được uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay thì đánh dấu “x” vào chỉ tiêu này.

Lưu ý về việc cá nhân uỷ quyền quyết toán thuế thay như sau:

a. Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay trong các trường hợp sau:

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm uỷ quyền quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm uỷ quyền quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế 10% mà không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới trong trường hợp tổ chức cũ thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp. Cuối năm người lao động có ủy quyền quyết toán thuế thì tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động (nếu có) để làm căn cứ tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và quyết toán thuế thay cho người lao động.

b. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân trả thu nhập. Trường hợp tổ chức chi trả sau khi thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp và thực hiện quyết toán thuế theo ủy quyền của người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ sang thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả.

- Chỉ tiêu [11]: **Tổng số**

Ghi tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công đã trả trong kỳ cho cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, kể cả các khoản tiền lương, tiền công nhận được do làm việc tại khu kinh tế và thu nhập được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

- Chỉ tiêu [12]: **Làm việc trong KKT**

Ghi các khoản thu nhập chịu thuế mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập trả cho cá nhân do làm việc tại khu kinh tế trong kỳ, không bao gồm thu nhập được miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (nếu có).

- Chỉ tiêu [13]: **Theo Hiệp định**

Ghi các khoản thu nhập chịu thuế làm căn cứ xét miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

- Chỉ tiêu [14]: **Số lượng NPT tính giảm trừ**

Ghi số người phụ thuộc mà cá nhân đã đăng ký tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

- Chỉ tiêu [15]: **Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh**

Ghi các khoản giảm trừ cho bản thân người nộp thuế và các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc. Trong đó:

- Giảm trừ cho bản thân = 09 triệu đồng/tháng x Tổng số tháng đã tính giảm trừ trong năm. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán cho tổ chức trả thu nhập thì giảm trừ cho bản thân được tính đủ 12 tháng là 108 triệu đồng/năm.

- Giảm trừ cho người phụ thuộc = 3,6 triệu đồng/người x Tổng số tháng đã tính giảm trừ cho người phụ thuộc trong kỳ. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán cho tổ chức trả thu nhập thì giảm trừ cho người phụ thuộc được tính đủ theo thực tế phát sinh nếu cá nhân có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc theo quy định.

- Chỉ tiêu [16]: **Từ thiện, nhân đạo, khuyến học**

Ghi các khoản chi đóng góp vào các tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; các khoản chi đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học được thành lập theo quy định của Chính phủ và hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không nhằm mục đích lợi nhuận (nếu có).

- Chỉ tiêu [17]: **Bảo hiểm được trừ**

Ghi các khoản đóng góp bảo hiểm gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc.

- Chỉ tiêu [18]: **Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ**

Ghi các khoản đóng góp vào Quỹ hưu trí tự nguyện theo thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá 01 triệu đồng/tháng, kể cả trường hợp đóng góp vào nhiều quỹ.

- Chỉ tiêu [19]: **Thu nhập tính thuế**

Chỉ tiêu [19] = Chỉ tiêu [11] - Chỉ tiêu [13] - Chỉ tiêu [15] - Chỉ tiêu [16] - Chỉ tiêu [17] - Chỉ tiêu [18].

- Chỉ tiêu [20]: **Số thuế TNCN đã khấu trừ**

Ghi số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân cư trú có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên trong kỳ.

- Chỉ tiêu [21]: **Số thuế TNCN được giảm do làm việc trong KKT**

Số thuế được giảm bằng 50% số thuế phải nộp của thu nhập chịu thuế cá nhân nhận được do làm việc trong khu kinh tế.

Chỉ tiêu [21] = ([19] x thuế suất biểu thuế lũy tiến) x {Chỉ tiêu [12]/(Chỉ tiêu [11] - Chỉ tiêu [13])} x 50%.

- Chỉ tiêu [22]: **Tổng số thuế phải nộp:** Là tổng số thuế phải nộp của cá nhân uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay.

Chỉ tiêu [22] = (Chỉ tiêu [19] x thuế suất biểu thuế lũy tiến) - Chỉ tiêu [21].

- Chỉ tiêu [23]: **Số thuế đã nộp thừa**

Ghi số thuế đã nộp thừa của cá nhân uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay.

Chỉ tiêu [23] = Chỉ tiêu [20] - Chỉ tiêu [22] > 0.

- Chỉ tiêu [24]: **Số thuế còn phải nộp**

Ghi số thuế còn phải nộp của cá nhân uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay.

Chỉ tiêu [24] = [22] - [20] > 0.

- Chỉ tiêu [25]: **Tổng số thu nhập chịu thuế**

Chỉ tiêu [25] bằng tổng cột chỉ tiêu [11].

- Chỉ tiêu [26]: **Tổng số TNCT làm căn cứ tính giảm thuế do làm việc trong KKT**

Chỉ tiêu [26] bằng tổng cột chỉ tiêu [12].

- Chỉ tiêu [27]: **Tổng số TNCT được miễn, giảm thuế theo Hiệp định**

Chỉ tiêu [27] bằng tổng cột chỉ tiêu [13].

- Chỉ tiêu [28]: **Tổng số lượng NPT tính giảm trừ**

Chỉ tiêu [28] bằng tổng cột chỉ tiêu [14].

- Chỉ tiêu [29]: **Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh**

Chỉ tiêu [29] bằng tổng cột chỉ tiêu [15].

- Chỉ tiêu [30]: **Tổng từ thiện, nhân đạo, khuyến học**

Chỉ tiêu [30] bằng tổng cột chỉ tiêu [16].

- Chỉ tiêu [31]: **Tổng bảo hiểm được trừ**

Chỉ tiêu [31] bằng tổng cột chỉ tiêu [17].

- Chỉ tiêu [32]: **Tổng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ**

Chỉ tiêu [32] bằng tổng cột chỉ tiêu [18].

- Chỉ tiêu [33]: **Tổng thu nhập tính thuế**

Chỉ tiêu [33] bằng tổng cột chỉ tiêu [19].

- Chỉ tiêu [34]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ**

Chỉ tiêu [34] bằng tổng cột chỉ tiêu [20].

- Chỉ tiêu [35]: **Tổng số thuế TNCN được giảm do làm việc trong khu kinh tế**

Chỉ tiêu [35] bằng tổng cột chỉ tiêu [21].

- Chỉ tiêu [36]: **Tổng số thuế phải nộp**

Chỉ tiêu [36] bằng tổng cột chỉ tiêu [22] (hoặc bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [22] ứng với chỉ tiêu [10] đánh dấu “x”).

- Chỉ tiêu [37]: **Tổng số thuế đã nộp thừa**

Chỉ tiêu [37] bằng tổng cột chỉ tiêu [23].

- Chỉ tiêu [38]: **Tổng số thuế còn phải nộp**

Chỉ tiêu [38] bằng tổng cột chỉ tiêu [24].

4.2- Cách lập Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần (Mẫu 05-2/BK-QTT-TNCN)

- Chỉ tiêu [01]: **Kỳ tính thuế**

Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế

- Chỉ tiêu [02]: **Tên người nộp thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Chỉ tiêu [03]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Chỉ tiêu [04]: **Tên đại lý thuế (nếu có)**

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập uỷ quyền khai quyết toán thuế cho đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Chỉ tiêu [05]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Chỉ tiêu [06]: **STT**

Ghi rõ số thứ tự từ nhỏ đến lớn

- Chỉ tiêu [07]: **Họ và tên**

Ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của từng cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng hoặc cá nhân không cư trú được tổ chức, cá nhân trả thu nhập, kể cả các cá nhân có thu nhập chưa đến mức khấu trừ thuế; hoặc cá nhân (bao gồm cả cá nhân có hợp đồng lao động và cá nhân không ký hợp đồng lao động) được tổ chức, cá nhân trả thu nhập mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam trong kỳ.

- Chỉ tiêu [08]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân.

- Chỉ tiêu [09]: **Số CMND/Hộ chiếu**

Ghi số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân chưa có mã số thuế

- Chỉ tiêu [10]: **Cá nhân không cư trú**

Nếu là cá nhân không cư trú thì đánh dấu “x” vào chỉ tiêu này

- Chỉ tiêu [11]: **Tổng số**

Ghi tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công đã trả trong kỳ cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 03 tháng và cá nhân không cư trú trong kỳ, kể cả các khoản tiền lương, tiền công nhận được do làm việc tại khu kinh tế và thu nhập được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần; và các khoản phí mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động.

- Chỉ tiêu [12]: **TNCT từ phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động**

Ghi khoản tiền mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động

- Chỉ tiêu [13]: **Làm việc trong KKT**

Ghi các khoản thu nhập chịu thuế làm căn cứ được giảm thuế mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập trả cho cá nhân do làm việc tại khu kinh tế trong kỳ, không bao gồm thu nhập được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (nếu có).

- Chỉ tiêu [14]: **Theo Hiệp định**

Ghi các khoản thu nhập chịu thuế làm căn cứ được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

- Chỉ tiêu [15]: **Tổng số**

Là tổng số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của từng cá nhân trong kỳ.

- Chỉ tiêu [16]: **Số thuế từ phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động**

Ghi số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ trên khoản tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động. Chỉ tiêu [16] = [12] x 10%

- Chỉ tiêu [17]: **Số thuế TNCN được giảm do làm việc trong KKT**

Ghi số thuế được giảm bằng 50% số thuế phải nộp của thu nhập chịu thuế cá nhân nhận được do làm việc tại khu kinh tế.

Chỉ tiêu [17] = {(Chỉ tiêu [11] - Chỉ tiêu [14]) x Thuế suất toàn phần} x {Chỉ tiêu [13]/(Chỉ tiêu [11] - Chỉ tiêu [14])} x 50%.

- Chỉ tiêu [18]: **Tổng số thu nhập chịu thuế**

Chỉ tiêu [18] bằng tổng cột chỉ tiêu [11].

- Chỉ tiêu [19]: **Tổng TNCT từ phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động**

Chỉ tiêu [19] bằng tổng cột chỉ tiêu [12].

- Chỉ tiêu [20]: **Tổng TNCT được giảm thuế do làm việc tại khu kinh tế**

Chỉ tiêu [20] bằng tổng cột chỉ tiêu [13].

- Chỉ tiêu [21]: **Tổng TNCT được giảm thuế theo Hiệp định**

Chỉ tiêu [21] bằng tổng cột chỉ tiêu [14].

- Chỉ tiêu [22]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ**

Chỉ tiêu [22] bằng tổng cột chỉ tiêu [15].

- Chỉ tiêu [23]: **Tổng số thuế từ từ phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động**

Chỉ tiêu [23] bằng tổng cột chỉ tiêu [16].

- Chỉ tiêu [24]: **Tổng số thuế TNCN được giảm do làm việc tại KKT**

Chỉ tiêu [24] bằng tổng cột chỉ tiêu [17].

4.3- Cách lập Bảng kê thông tin người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh (Mẫu 05-3/BK-QTT-TNCN)

- Chỉ tiêu [01]: **Kỳ tính thuế**

Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế

- Chỉ tiêu [02]: **Tên người nộp thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

- Chỉ tiêu [03]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Chỉ tiêu [04]: **Tên đại lý thuế (nếu có)**

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập uỷ quyền khai quyết toán thuế cho đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Chỉ tiêu [05]: **Mã số thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- Chỉ tiêu [06]: **STT**

Ghi rõ số thứ tự từ nhỏ đến lớn

- Chỉ tiêu [07]: **Họ và tên người nộp thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của từng cá nhân đăng ký tính giảm trừ người phụ thuộc tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập.

- Chỉ tiêu [08]: **Mã số thuế của người nộp thuế**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp. Trường hợp không có thì bỏ trống.

- Chỉ tiêu [09]: **Họ và tên người phụ thuộc**

Ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của người phụ thuộc

- Chỉ tiêu [10]: **Ngày sinh của người phụ thuộc**

Ghi rõ ràng, đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của người phụ thuộc.

- Chỉ tiêu [11]: **Mã số thuế của người phụ thuộc**

Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của người phụ thuộc theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế/Thông báo mã số thuế Người phụ thuộc hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp. Trường hợp không có thì bỏ trống.

- Chỉ tiêu [12]: **Quốc tịch người phụ thuộc**

Ghi rõ quốc tịch của người phụ thuộc.

- Chỉ tiêu [13]: **Số CMND/Hộ chiếu của người phụ thuộc**

Ghi rõ ràng, đầy đủ số CMND của người phụ thuộc với quốc tịch Việt Nam hoặc số Hộ chiếu của người phụ thuộc với quốc tịch khác Việt Nam.

- Chỉ tiêu [14]: **Quan hệ với người nộp thuế**

Ghi mối quan hệ của người phụ thuộc với người nộp thuế.

- Chỉ tiêu [15]: **Số**

Ghi rõ ràng, đầy đủ thông tin tại phần **Số** trên Giấy khai sinh của người phụ thuộc.

- Chỉ tiêu [16]: **Quyển số:**

Ghi rõ rõ ràng, đầy đủ thông tin tại phần **Quyển số** trên Giấy khai sinh của người phụ thuộc.

- Chỉ tiêu [17]: **Quốc gia**

Ghi rõ Quốc gia nơi cấp Giấy khai sinh của người phụ thuộc.

- Chỉ tiêu [18]: **Tỉnh/Thành phố**

Ghi rõ Tỉnh/Thành phố nơi cấp Giấy khai sinh của người phụ thuộc.

- Chỉ tiêu [19]: **Quận/Huyện**

Ghi rõ Quận/Huyện nơi cấp Giấy khai sinh của người phụ thuộc.

- Chỉ tiêu [20]: **Phường/Xã**

Ghi rõ Phường/Xã nơi cấp Giấy khai sinh của người phụ thuộc.

(Trường hợp địa giới hành chính đã thay đổi, ghi theo bộ địa chỉ Tỉnh/Thành phố; Quận/Huyện; Phường/Xã mới đang có hiệu lực được ban hành của các cấp có thẩm quyền).

- Chỉ tiêu [21]: **Từ tháng**

Ghi theo tháng bắt đầu thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng trong năm kể cả trường hợp đăng ký sau thời điểm phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng.

- Chỉ tiêu [22]: **Đến tháng**

Tháng thực tế kết thúc nghĩa vụ nuôi dưỡng trong năm.

4.4- Tờ khai quyết toán thuế TNCN (Mẫu 05/QTT-TNCN)

- Chỉ tiêu [01]: kỳ kê khai của NNT, kỳ phát sinh các nghĩa vụ kê khai theo tờ khai

- Chỉ tiêu [02], [03]: Các tờ khai được lập lần đầu trong hạn kê khai (trước ngày 20 hàng tháng (nếu kê khai theo tháng) hoặc trước ngày 30 của tháng đầu quý tiếp theo (nếu kê khai theo quý)) thì đánh dấu vào chỉ tiêu [02]; Nếu NNT sau khi hết hạn kê khai phát hiện tờ khai có sai sót, kê khai bổ sung thì đánh dấu vào chỉ tiêu số [03], lần kê khai bổ sung (1,2,3...)

- Từ chỉ tiêu [04] đến chỉ tiêu [11]: NNT kê khai theo Tờ khai đăng ký thuế của NNT

- Từ chỉ tiêu [12] đến chỉ tiêu [20]: Trường hợp NNT ký hợp đồng kê khai với Đại lý thuế, đại lý thuế kê khai thay NNT có trách nhiệm kê khai chính xác các thông tin theo đăng ký thuế của đại lý vào chỉ tiêu [12] đến [20]

- Chỉ tiêu [21]: Tổng số Người lao động

Ghi tổng số cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập trong năm.

- Chỉ tiêu [22]: Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động

Ghi tổng số cá nhân cư trú nhận thu nhập từ tiền lương tiền công theo hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng số dòng tại chỉ tiêu [06] mẫu số 05-1/BK-TNCN

- Chỉ tiêu [23]: Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế

Ghi tổng số cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ thuế.

Chỉ tiêu [23] = Chỉ tiêu [24] + Chỉ tiêu [25].

- Chỉ tiêu [24]: Cá nhân cư trú

Ghi tổng số cá nhân cư trú mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ thuế trong kỳ. Chỉ tiêu [24] bằng tổng số dòng tại chỉ tiêu [20] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN > 0 cộng với tổng số dòng tại chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống.

- Chỉ tiêu [25]: Cá nhân không cư trú

Ghi tổng số cá nhân không cư trú mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ thuế trong kỳ. Chỉ tiêu [25] bằng tổng số dòng tại chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN có đánh dấu “X”.

- Chỉ tiêu [26]: Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Ghi tổng số cá nhân có thu nhập chịu thuế được miễn, giảm thuế TNCN theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Chỉ tiêu [26] bằng tổng số dòng tại chỉ tiêu [13] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN > 0 cộng với tổng số dòng tại chỉ tiêu [14] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0.

- Chỉ tiêu [27]: **Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh**

Ghi tổng số lượng người phụ thuộc tính giảm trừ gia cảnh của các cá nhân đăng ký tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập trong kỳ. Chỉ tiêu [27] bằng chỉ tiêu [28] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNC

- **Chỉ tiêu [28]: Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân**

Chỉ tiêu [28] = Chỉ tiêu [29] + Chỉ tiêu [30].

- Chỉ tiêu [29]: Cá nhân cư trú

Chỉ tiêu này bằng số liệu của dòng “Tổng” tại chỉ tiêu MS [25] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN cộng với số liệu của các dòng tại cột “Tổng số TNCT” chỉ tiêu MS [11] ứng với các dòng không đánh dấu (X) tại cột “Cá nhân không cư trú” chỉ tiêu MS [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN

- Chỉ tiêu [30]: Cá nhân không cư trú

Chỉ tiêu này bằng tổng giá trị các dòng ở cột chỉ tiêu [11] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với dòng chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN có đánh dấu “x” – tổng các giá trị các dòng tại chỉ tiêu [12] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN có đánh dấu “x”.

- Chỉ tiêu [31]: **Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế**

Chỉ tiêu [31] = Chỉ tiêu [32] + Chỉ tiêu [33].

- Chỉ tiêu [32]: Cá nhân cư trú

Chỉ tiêu [32] này bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN ứng với chỉ tiêu [20] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN > 0 + tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống và chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 - tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [12] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống và chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0.

- Chỉ tiêu [33]: Cá nhân không cư trú

Chỉ tiêu [33] này bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN có đánh dấu “x” và chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 - tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [12] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN có đánh dấu “x” và chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0.

- Chỉ tiêu [34]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ thuế**

Chỉ tiêu [34] = Chỉ tiêu [35] + Chỉ tiêu [36].

- Chỉ tiêu [35]: Cá nhân cư trú

Ghi số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân cư trú trong kỳ.

Chỉ tiêu [35] này bằng chỉ tiêu [34] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN > 0 + tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống - tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [16]

Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống.

- Chỉ tiêu [36]: Cá nhân không cư trú

Chỉ tiêu [36] này bằng tổng giá trị các dòng tại Chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN đánh dấu “x” - tổng giá trị các dòng tại Chỉ tiêu [16] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN đánh dấu “x”.

- Chỉ tiêu [37]: **Tổng số thuế được giảm do làm việc tại khu kinh tế**

Chỉ tiêu [37] = Chỉ tiêu [38] + Chỉ tiêu [39].

- Chỉ tiêu [38]: Cá nhân cư trú

Chỉ tiêu [38] bằng chỉ tiêu [35] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN cộng với tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [17] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống.

- Chỉ tiêu [39]: Cá nhân không cư trú

Chỉ tiêu [39] bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [17] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN đánh dấu “x”.

- Chỉ tiêu [39]: **Tổng TNCT từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động:**

Chỉ tiêu [40] bằng chỉ tiêu [19] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN.

- Chỉ tiêu [41]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động:**

Chỉ tiêu [41] bằng chỉ tiêu [23] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN hoặc chỉ tiêu [41] = [40] x 10%.

- Chỉ tiêu [42]: **Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay.**

Chỉ tiêu [42] bằng tổng số dòng tại Chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN đánh dấu “x”.

- Chỉ tiêu [43]: **Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ.**

Chỉ tiêu [43] bằng tổng giá trị các dòng tại Chỉ tiêu [20] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN ứng với Chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN có đánh dấu “x”.

- Chỉ tiêu [44]: **Tổng số thuế TNCN phải nộp**

Chỉ tiêu [44] bằng chỉ tiêu [36] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN

- Chỉ tiêu [45]: **Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN**

Ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp vào NSNN của cá nhân đủ điều kiện ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay [45] = ([44] - [43]) > 0 (hoặc [45] = [38] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN - [37] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN).

- Chỉ tiêu [46]: **Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa**

Ghi tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa của cá nhân đủ điều kiện uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay $[46] = ([43] - [44]) > 0$ (hoặc $[46] = [37]$ Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN - [38] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN